

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5899/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 17336/TTr-  
SKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 18 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ  
thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và  
Đầu tư.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên  
Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ  
<https://hochiminhcity.gov.vn/> (Thủ tục hành chính nội bộ).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc

---

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH  
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5899/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2.	Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình do địa phương quản lý	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3.	Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm B do địa phương quản lý	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4.	Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm C do địa phương quản lý	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (chương trình, dự án không có cầu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7.	Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu	Quản lý đầu tư	Sở Kế hoạch

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	công	và Đầu tư
9.	Quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương.	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
11.	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương.	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12.	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C (dự án không có cấu phần xây dựng)	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
13.	Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C (dự án không có cấu phần xây dựng).	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
14.	Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài.	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15.	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài do địa phương quản lý.	Quản lý đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư
17.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
18.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

### I. Lĩnh vực quản lý đầu tư công

#### 1. Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp.

##### 1.1. Trình tự và cách thức thực hiện (Điều 42 Luật Đầu tư công):

- **Bước 1:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án

Căn cứ theo quyết định của cấp có thẩm quyền về dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 Luật Đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án.

- **Bước 2:** Cơ quan, đơn vị có chức năng lập và hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án trình cấp thẩm quyền thẩm định.

- **Bước 3:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hoặc đơn vị có chức năng thẩm định dự án.

Căn cứ theo quyết định của cấp có thẩm quyền về dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 Luật Đầu tư công và căn cứ vào tính chất, lĩnh vực cụ thể của dự án đầu tư công khẩn cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hoặc đơn vị có chức năng thẩm định dự án (Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chuyên môn về xây dựng được Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Bước 4:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư dự án.

Cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng (được giao tại bước 1) tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án lập báo cáo đề xuất dự án trình cấp thẩm quyền (được giao tại bước 2) để tiến hành thẩm định.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định, cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng (được giao tại bước 1) hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án (nếu có) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định phê duyệt đầu tư.

- **Bước 5:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.**1.4. Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

**1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**1.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**1.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 Luật Đầu tư công.

**1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình do địa phương quản lý.**

### **2.1. Trình tự và cách thức thực hiện (Căn cứ Điều 27 Luật Đầu tư công):**

**Bước 1:** Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.

Căn cứ kiến nghị của các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn, sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình / Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.

**Bước 2:** Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.

**Bước 3:** Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh và trình cơ quan thẩm định.

**Bước 4:** Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.

Trên cơ sở Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh của các cơ quan, đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và tổ chức họp các Thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định thành phố có ý kiến đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các Thành viên Tổ giúp việc và báo cáo Hội đồng thẩm định Thành phố tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.

Hội đồng thẩm định Thành phố ban hành kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.



**Bước 5:** Trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình/ quyết định chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Thành phố về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh và Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình/ quyết định chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư chương trình/ chủ trương đầu tư điều chỉnh chương trình (kèm các dự thảo).

**Bước 5:** Quyết định chủ trương đầu tư chương trình/quyết định chủ trương đầu tư chương trình điều chỉnh.

Trên cơ sở Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức họp thẩm tra Dự thảo Nghị quyết chủ trương đầu tư chương trình/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**2.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức báo cáo, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**2.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**2.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3. Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm B do địa phương quản lý**

#### **3.1. Trình tự và cách thức thực hiện (Căn cứ Điều 27 Luật Đầu tư công):**

**Bước 1:** Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

Căn cứ kiến nghị của các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn, sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

**Bước 2:** Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

**Bước 3:** Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

**Bước 4:** Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh

Trên cơ sở Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh của các cơ quan, đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và có Báo cáo thẩm định về chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án.

**Bước 5:** Trình quyết định chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định về chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án, Cơ quan, đơn vị lập hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh trình các cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án.

**Bước 6:** Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định về chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án và Tờ trình về chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để trình Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư

điều chỉnh (kèm các dự thảo).

**Bước 8:** Trình Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh.

Trên hồ sơ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố có Tờ trình trình Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương đầu tư/chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án

**Bước 9:** Quyết định chủ trương đầu tư dự án/chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án.

Trên cơ sở Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức họp thẩm tra các nội dung liên quan về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

Trên cơ sở kết quả được thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố ký ban hành Nghị quyết về quyết định chủ trương đầu tư dự án/chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**3.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận.

**3.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**3.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4

năm 2020 của Chính Phủ.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **4. Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm C do địa phương quản lý**

##### **4.1. Trình tự và cách thức thực hiện (Căn cứ Điều 27 Luật Đầu tư công):**

**Bước 1:** Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

Căn cứ kiến nghị của các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn, sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

**Bước 2:** Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

**Bước 3:** Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh.

**Bước 4:** Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh

Trên cơ sở Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh của các cơ quan, đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và có Báo cáo thẩm định về chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án.

**Bước 5:** Trình quyết định chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định về chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án, Cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án.

**Bước 6:** Quyết định về chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định về chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh

chính của dự án và Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư/ chủ trương đầu tư điều chỉnh của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư dự án/ chủ trương đầu tư điều chỉnh (kèm dự thảo Quyết định).

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án/ chủ trương đầu tư điều chỉnh dự thảo.

**4.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**4.4. Thời hạn giải quyết:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**4.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận.

**4.7. Kết quả thực hiện:** Không quy định.

**4.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy

---

định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.



**5. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)**

**5.1. Trình tự và cách thức thực hiện:** (Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trực tiếp Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

- Đối với chương trình, dự án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn của Thành phố quản lý: giao cơ quan chuyên môn (đơn vị cấp trên của các đơn vị sự nghiệp công lập) tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

**Bước 2:** Lập và trình thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định như sau:

- Đối với chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định.

- Đối với chương trình, dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư.

Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và ban hành báo cáo thẩm định về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

**Bước 3:** Hoàn chỉnh hồ sơ và trình quyết định chủ trương đầu tư.

- Đối với chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương

đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định, Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Trên cơ sở hồ sơ hoàn chỉnh và Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư của đơn vị, Cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

- Đối với chương trình, dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Căn cứ báo cáo thẩm định về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của cơ quan có thẩm quyền, Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Trên cơ sở hồ sơ hoàn chỉnh và Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư của đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

#### **Bước 4:** Quyết định chủ trương đầu tư.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị được giao và Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

**5.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**5.4. Thời hạn giải quyết:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**5.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị.

**5.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị.

**5.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định chủ trương đầu tư.

**5.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

**5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

**6. Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (chương trình, dự án không có cầu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)**

**6.1. Trình tự và cách thức thực hiện** (Điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

**Bước 1:** Lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

**Bước 2:** Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

Đối với dự án nhóm A không có cầu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Trên cơ sở báo cáo nghiên cứu khả thi dự án của Chủ đầu tư, Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công (gọi tắt là cơ quan thường trực Hội đồng) phối hợp lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Cơ quan thường trực Hội đồng tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và tổ chức họp các Thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định thành phố có ý kiến đối với báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Cơ quan thường trực Hội đồng tổng hợp ý kiến của các Thành viên Tổ giúp việc và báo cáo Hội đồng thẩm định Thành phố tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công ban hành kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C không có cầu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn (trừ dự án do Sở Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập) và phát hành báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả

thi chương trình, dự án (trừ dự án do Sở Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập) và phát hành báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

**Bước 3:** Hoàn chỉnh hồ sơ và trình quyết định đầu tư chương trình, dự án

Đối với dự án nhóm A: Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trên cơ sở hồ sơ hoàn thiện và Tờ trình quyết định đầu tư, dự án, Cơ quan thường trực Hội đồng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định đầu tư dự án.

Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C: Trên cơ sở hồ sơ hoàn thiện và Tờ trình quyết định đầu tư chương trình, dự án, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định đầu tư dự án.

**Bước 4:** Quyết định đầu tư chương trình, dự án.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị được giao và Tờ trình quyết định đầu tư chương trình, dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành quyết định đầu tư theo quy định.

**6.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**6.4. Thời hạn giải quyết:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**6.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị.

**6.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị.

**6.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**6.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ.

**6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

## **7. Quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

### **7.1. Trình tự và cách thức thực hiện (căn cứ Điều 24 Luật Đầu tư công)**

**Bước 1:** Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư công (bao gồm chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố) hoặc quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho 01 chương trình, dự án nhóm A cụ thể thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Bước 2:** Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thực hiện lập, trình Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh trình Ủy ban nhân dân Thành phố (đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư) xem xét, thẩm định.

**Bước 3:** Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công tiến hành thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (Hội đồng thẩm định)

(i) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, đơn vị đối với Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh.

(ii) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và ban hành Báo cáo thẩm định về nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án.

(iii) Trường hợp dự án đảm bảo nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức họp Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định để chuẩn bị các nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

(iv) Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án theo ý kiến của Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định; dự thảo Công văn báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức họp thảo luận, có ý kiến về dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định

(v) Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án theo ý kiến của Hội đồng thẩm định và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt Báo

cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

(vi) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh theo ý kiến thẩm định (nếu có).

(vii) Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định và tổng hợp hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân Thành phố (*đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư*) báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A.

(viii) Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát nội dung trình của Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A.

**Bước 4:** Hội Ủy ban nhân dân Thành phố có Tờ trình trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A.

**Bước 5:** Hội Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chủ trương đầu tư/ điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A.

**7.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, tổ chức họp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Hồ sơ, số lượng, nội dung hồ sơ trình thẩm định: theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019.

**7.4. Nội dung, thời hạn giải quyết:** Nội dung, thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh: theo quy định tại khoản 4, 6, 7 Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019.

**7.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

Trong quá trình tổ chức thẩm định, Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư chủ động rà soát, giải trình nội dung ý kiến của các Sở, ngành, thành viên Tổ Giúp



việc, thành viên Hội Đồng thẩm định và cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh (trong trường hợp cần thiết).

#### **7.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định, Tổ Giúp việc cho Hội đồng thẩm định.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

**7.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**7.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công

#### **7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công và giao cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công;

- Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về thay đổi nhân sự Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

---

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **8. Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Đối với Chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Không có.

Đối với Chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

### **8.1. Trình tự và cách thức thực hiện**

#### **8.1.1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng**

**Bước 1:** Chủ đầu tư lập, trình thẩm định, quyết định đầu tư

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Sở Văn hóa và Thể thao (*đối với chương trình, dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng*) hoặc cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố (*ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố*) (gọi chung là *Cơ quan thẩm định*) tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

**Bước 2:** Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

(i) Cơ quan thẩm định (quy định tại Mục 2.1.1) tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (*theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021*); đồng thời, thẩm định Báo cáo chuyên môn xây dựng (*theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021*).

(ii) Đối với dự án chương trình, dự án nhóm A

- Cơ quan thẩm định (quy định tại Mục 2.1.1) hoàn chỉnh Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án nhóm A gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án và có Văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (*đồng gửi Cơ quan thẩm định*) quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A.

- Cơ quan thẩm định rà soát nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình,

dự án do Chủ đầu tư hoàn chỉnh và có Văn bản báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án nhóm A

(iii) Đối với dự án nhóm B, nhóm C

- Chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án nhóm B, nhóm C và có Văn bản trình Sở Văn hóa và Thể thao (đối với dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng) hoặc cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố) xem xét, quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C

**Bước 3:** Quyết định đầu tư Chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C

- Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định đầu tư các dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố) quyết định đầu tư dự án theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **8.2.2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng**

**Bước 1:** Chủ đầu tư lập, trình thẩm định, quyết định đầu tư

- Đối với dự án nhóm A

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công và giao cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công (Hội đồng thẩm định).

- Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C

+ Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là Chủ đầu tư: Chủ đầu tư chịu

trách nhiệm tổ chức lập, trình Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công và giao cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công.

+ Đối với các Chủ đầu tư khác: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

**Bước 2:** Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

**a) Đối với dự án nhóm A**

(i) Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, đơn vị đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(ii) Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức họp Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định để chuẩn bị các nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

(iii) Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến của Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định; dự thảo Công văn báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức họp thảo luận, có ý kiến về dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định

(iv) Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến của Hội đồng thẩm định và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ đầu tư.

(v) Chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định và tổng hợp hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đồng gửi Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư) quyết định đầu tư dự án nhóm A.

(vi) Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát nội dung trình của Chủ đầu tư và tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư dự án nhóm A.

**b) Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C**

Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh chương trình, dự án nhóm B, nhóm C không có cấu phần xây dựng.

**Bước 2: Quyết định đầu tư**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư dự án nhóm A.
- Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt chương trình, dự án nhóm B, nhóm C không có cấu phần xây dựng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**8.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, tổ chức họp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Hồ sơ, số lượng, nội dung hồ sơ trình thẩm định: theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 17 và khoản 1, 2, 3 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019.

**8.4. Nội dung, thời hạn giải quyết:** Nội dung, thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019.

**8.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư.

Trong quá trình tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư chủ động rà soát, giải trình nội dung ý kiến của các Sở, ngành, thành viên Tổ Giúp việc, thành viên Hội Đồng thẩm định và cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế -

kỹ thuật (trong trường hợp cần thiết).

#### **8.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Người đứng đầu các Cơ quan, tổ chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định, Tổ Giúp việc cho Hội đồng thẩm định.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

**8.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định của các Cơ quan (của Người đứng đầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền).

**8.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công

#### **8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công và giao cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công;

- Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về thay đổi nhân sự Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công;

---

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.



**9. Quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Đối với Chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Không có.

Đối với Chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

**9.1. Trình tự và cách thức thực hiện**

**9.1.1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng**

**Bước 1:** Chủ đầu tư lập, trình thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Sở Văn hóa và Thể thao (đối với chương trình, dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng) hoặc cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố) (gọi chung là Cơ quan thẩm định) tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.

**Bước 2:** Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh

(i) Cơ quan thẩm định (quy định tại Mục 3.1.1) tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh (theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021); đồng thời, thẩm định Báo cáo chuyên môn xây dựng (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021).

(ii) Đối với dự án chương trình, dự án nhóm A

- Cơ quan thẩm định (quy định tại Mục 3.1.1) hoàn chỉnh Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án nhóm A gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án và có Văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đồng gửi Cơ quan thẩm định) quyết định điều chỉnh chương trình, dự án nhóm A.

- Cơ quan thẩm định rà soát nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án do Chủ đầu tư hoàn chỉnh và có Văn bản báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án nhóm A

(iii) Đối với dự án nhóm B, nhóm C

- Chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án nhóm B, nhóm C và có Văn bản trình Sở Văn hóa và Thể thao (*đối với dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng*) hoặc cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố (*ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố*) xem xét, quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C

**Bước 3:** Quyết định điều chỉnh Chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C

- Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định điều chỉnh các dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố (*ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố*) quyết định điều chỉnh dự án theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **9.2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng**

**Bước 1:** Chủ đầu tư lập, trình thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C

### **a) Đối với dự án nhóm A**

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công và giao cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công (Hội đồng thẩm định).

### **b) Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C**

- Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là Chủ đầu tư: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công và giao cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công.

- Đối với các Chủ đầu tư khác: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

**Bước 2:** Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.

**a) Đối với dự án nhóm A**

(i) Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, đơn vị đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh.

(ii) Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức họp Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định để chuẩn bị các nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án.

(iii) Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án theo ý kiến của Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định; dự thảo Công văn báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức họp thảo luận, có ý kiến về dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định.

(iv) Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án theo ý kiến của Hội đồng thẩm định và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ đầu tư.

(v) Chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định và tổng hợp hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (*đồng gửi Sở Thông tin và Truyền thông (đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư*) quyết định điều chỉnh dự án nhóm A.

(vi) Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực*

*công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát nội dung trình của Chủ đầu tư và tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh dự án nhóm A.

**b) Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C**

Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh chương trình, dự án nhóm B, nhóm C không có cấu phần xây dựng.

**Bước 3: Quyết định đầu tư**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh dự án nhóm A.

- Sở Thông tin và Truyền thông (*đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin*) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án nhóm B, nhóm C không có cấu phần xây dựng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**9.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, tổ chức họp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Hồ sơ, số lượng, nội dung hồ sơ trình thẩm định: theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 17 và khoản 1, 2, 3 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019.

**9.4. Nội dung, thời hạn giải quyết:** Nội dung, thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019.

**9.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư.

Trong quá trình tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư chủ động rà soát, giải trình nội dung ý kiến của các Sở, ngành, thành viên Tổ Giúp việc, thành viên Hội Đồng thẩm định và cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (*trong trường hợp cần thiết*).

**9.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố,

Người đứng đầu các Cơ quan, tổ chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định, Tổ Giúp việc cho Hội đồng thẩm định.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

**9.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định của các Cơ quan (của Người đứng đầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền).

**9.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công

**9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công và giao cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công;

- Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về thay đổi nhân sự Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về nhiệm vụ,

---

quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **10. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương:**

### **10.1. Trình tự và cách thức thực hiện (Điều 55 Luật Đầu tư công)**

**Bước 1:** Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng, tiêu chí phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

**Bước 2:** Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau với tổng mức vốn đầu tư công dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án giai đoạn sau.

**Bước 3:** Trước ngày 15 tháng 8 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

**Bước 4:** Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Giao cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Bước 5:** Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

b) Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh;

c) Tổ chức thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tỉnh;

d) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

đ) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

e) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

**Bước 6:** Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập, thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

**Bước 7:** Trước ngày 31 tháng 01 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau.

**Bước 8:** Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

**Bước 9:** Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

**Bước 10:** Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:



a) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

**Bước 11:** Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của quốc gia báo cáo Chính phủ.

**10.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**10.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**10.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**10.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương báo cáo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ.

**10.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**10.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

---

**10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

## **11. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương**

**11.1. Trình tự thực hiện:** (Điều 67 Luật Đầu tư công và Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

(1) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW

**Bước 1:** Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn NSTW của cơ quan, địa phương mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

**Bước 2:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính:

+ Thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

+ Chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nội bộ và giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

(2) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSĐP.

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

**Bước 2:** Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

(3) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn NSTW

Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương có thẩm quyền và trách nhiệm:

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các dự án thuộc danh mục đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;

- Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi

đối với vốn ngân sách trung ương.

*(4) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch hàng năm*

**Bước 1:** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc quản lý của cấp mình nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;

**Bước 2:** Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

**11.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**11.4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch.

**11.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

**11.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương báo cáo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ.

**11.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**11.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

## **12. Quyết định đầu tư/điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C (dự án không có cấu phần xây dựng)**

**12.1. Trình tự thực hiện:** (Điều 40, 44, 45 Luật Đầu tư công, Điều 17 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, Điều 11 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND và Điều 1 Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND).

a) Đối với dự án đầu tư công nhóm A (không có cấu phần xây dựng)

**Bước 1:** Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

**Bước 2:** Chủ đầu tư trình Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định dự án.

**Bước 3:** Hội đồng thẩm định thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công.

**Bước 4:** Sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

b) Đối với dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Thành phố không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công ngân sách Thành phố (trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các dự án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 11 Quyết định 19/2021/QĐ-UBND và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 19/2021/QĐ-UBND)

**Bước 1:** Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

**Bước 2:** Chủ đầu tư trình Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, trừ chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập và trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, trừ chương trình, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Thành phố thành lập.

**Bước 3:** Sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, gửi cơ quan thẩm định báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

**12.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** (khoản 1 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

a) Đối với hồ sơ phê duyệt mới:

- Bản chính Tờ trình thẩm định dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) dự án; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công;

- Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Bản chính BCNCKT dự án theo quy định tại Điều 44 của Luật Đầu tư công;

- Bản chính Hồ sơ thiết kế cơ sở (đối với dự án CNTT theo quy định Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN).

- Bản chính Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án (đối với các dự án theo quy định tại Điều 74 của Luật Đầu tư công);

- Các tài liệu khác có liên quan phục vụ cho việc thẩm định dự án đầu tư công (nếu có).

- Số lượng hồ sơ (Quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP): 10 bộ.

**12.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian thẩm định (Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

+ Dự án nhóm A: không quá 45 ngày,

+ Dự án nhóm B, C: không quá 30 ngày,

- Thời gian phê duyệt (Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

+ Dự án nhóm A: không quá 15 ngày;

+ Dự án nhóm B, C: không quá 10 ngày.

**12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Áp dụng cho các chủ đầu tư, các sở, ngành có liên quan thực hiện việc thẩm định; trình phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.

**12.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân Thành phố.

**12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** Báo cáo thẩm định, Quyết định đầu tư.

**12.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ (nếu có):** Không quy định.

**12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.



### **13. Quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C (dự án không có cấu phần xây dựng)**

**13.1. Trình tự thực hiện:** (Căn cứ Điều 40, 44, 45 Luật Đầu tư công, Điều 17 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, Điều 11 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Điều 1 Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố).

a) Đối với dự án đầu tư công nhóm A (không có cấu phần xây dựng)

**Bước 1:** Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

**Bước 2:** Chủ đầu tư trình Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định dự án.

**Bước 3:** Hội đồng thẩm định thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công.

**Bước 4:** Sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

b) Đối với dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Thành phố không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công ngân sách Thành phố (trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các dự án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 11 Quyết định 19/2021/QĐ-UBND và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 19/2021/QĐ-UBND)

**Bước 1:** Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

**Bước 2:** Chủ đầu tư trình Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, trừ chương trình, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập và trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, trừ chương

trình, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập.

**Bước 3:** Sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, gửi cơ quan thẩm định báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

**13.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** (khoản 1 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

- Bản chính Tờ trình thẩm định dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) dự án; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công;

- Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Bản chính BCNCKT dự án theo quy định tại Điều 44 của Luật Đầu tư công;

- Bản chính Hồ sơ thiết kế cơ sở (đối với dự án CNTT theo quy định Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN).

- Bản chính Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án (đối với các dự án theo quy định tại Điều 74 của Luật Đầu tư công);

- Các tài liệu khác có liên quan phục vụ cho việc thẩm định dự án đầu tư công (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ.

**13.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian thẩm định (Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

+ Dự án nhóm A: không quá 45 ngày,

+ Dự án nhóm B, C: không quá 30 ngày,

- Thời gian phê duyệt (Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP):

+ Dự án nhóm A: không quá 15 ngày;

+ Dự án nhóm B, C: không quá 10 ngày.

**13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Áp dụng cho các chủ đầu tư, các sở, ngành có liên quan thực hiện việc thẩm định; trình phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.

**13.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân Thành phố.

**13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** Báo cáo thẩm định, Quyết định đầu tư.

**13.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ (nếu có):** Không quy định.

**13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**14. Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài.****14.1. Trình tự thực hiện:** (Điều 8 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

- Giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

- Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án.

**14.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**14.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc.

**14.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật Đầu tư công.

**14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền

**14.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 09 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

**14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đảm bảo đủ hồ sơ; quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục quy định pháp luật liên quan.

**14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

## **15. Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài do địa phương quản lý**

### **15.1. Trình tự thực hiện:**

#### ***(1) Đối với dự án do bộ, cơ quan trung ương quản lý***

**Bước 1:** Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

**Bước 2:** Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, trình người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương xem xét, quyết định đầu tư dự án.

#### ***(2) Đối với dự án do địa phương quản lý:***

**Bước 1:** Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

**Bước 2:** Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định đầu tư dự án.

**15.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**15.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**15.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư công.

**15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

**15.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đảm bảo đủ hồ sơ; quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục quy định pháp luật liên quan.

**15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**16. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**16.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chủ dự án lập văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Chủ dự án nộp hồ sơ khoản viện trợ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Bước 2:** Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ

- Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ và thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ hướng dẫn đơn vị bổ sung hồ sơ.

**Bước 3:** Xem xét, giải quyết hồ sơ:

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an Thành phố và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

**Bước 4:** Căn cứ ý kiến của cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

**16.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp, bưu chính.

**16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 06 bộ hồ sơ.**

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật	01	Bản chính
2	Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ	06	Bản sao có chứng thực
3	Văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật	06	Bản chính
4	Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng	06	Bản sao có



<p>với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).</p> <p>Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</p> <p>Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;</p> <p>Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.</p>		chứng thực
--	--	------------

**16.4. Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**16.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, Công an Thành phố, các sở ngành đơn vị liên quan và Văn phòng UBND Thành phố.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**16.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

**16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

**17. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**17.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chủ dự án trợ lập văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Chủ dự án nộp hồ sơ khoản viện trợ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Bước 2:** Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ

- Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ và thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ hướng dẫn đơn vị bổ sung hồ sơ.

**Bước 3:** Xem xét, giải quyết hồ sơ:

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an Thành phố và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

**Bước 4:** Căn cứ ý kiến của cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

**17.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, bưu chính.

**17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** 06 bộ hồ sơ.

Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án	01	Bản chính
Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ	06	Bản sao có chứng thực
Văn kiện chương trình, dự án	06	Bản chính
Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).	06	Bản sao có chứng thực

<p>Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</p> <p>Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;</p> <p>Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.</p>		
---	--	--

**17.4. Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**17.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, Công an Thành phố, các sở ngành đơn vị liên quan và Văn phòng UBND Thành phố.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**17.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**17.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

**17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

**18. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**18.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ khoản viện trợ lập văn kiện phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Chủ khoản viện trợ nộp hồ sơ khoản viện trợ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Bước 2:** Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ

- Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ và thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ hướng dẫn đơn vị bổ sung hồ sơ.

**Bước 3:** Xem xét, giải quyết hồ sơ:

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an Thành phố và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

**Bước 4:** Căn cứ ý kiến của cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

**18.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, bưu chính.

**18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** 06 bộ hồ sơ.

Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án	01	Bản chính
Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ	06	Bản sao có chứng thực
Văn kiện khoản viện trợ phi dự án do chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng, bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục đích, nội dung, danh mục hàng hóa (đối với khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật), kết quả dự kiến của khoản viện trợ; thời gian thực hiện; trị giá của	06	Bản chính

khoản viện trợ phi dự án; phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện; nghĩa vụ báo cáo kết quả sau khi tiếp nhận, sử dụng viện trợ		
Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp; Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực; Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.	06	Bản sao có chứng thực
Đối với các khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo hình thức cung cấp chuyên gia, hồ sơ khoản viện trợ bao gồm: các tài liệu nêu trên; sơ lược lý lịch chuyên gia có cam kết chịu trách nhiệm đối với thông tin cung cấp của chuyên gia; chương trình hoạt động; giấy phép lao động và các giấy tờ pháp lý về hoạt động chuyên môn của chuyên gia theo quy định của pháp luật có liên quan.	06	Bản sao có chứng thực

**18.4. Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**18.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, Công an Thành phố, các sở ngành đơn vị liên quan và Văn phòng UBND Thành phố.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**18.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**18.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ

---

trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

**18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.